

BỘ TƯ PHÁP
Số: 09/2005/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính và việc quản lý nhà nước về đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính,

Nhằm công khai hóa các thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính và cá nhân, tổ chức có liên quan, Bộ Tư pháp hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính và việc quản lý nhà nước về đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các vấn đề sau đây:

1.1. Thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký trong việc đăng ký và cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính;

- 1.2. Trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính;
- 1.3. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính.

2. Đối tượng đăng ký

- 2.1. Các hợp đồng cho thuê tài chính phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nêu tại điểm 4.1 khoản 4 mục I của Thông tư này theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính.
- 2.2. Việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính bằng tàu bay dân dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Nguyên tắc đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính

- 3.1. Hợp đồng cho thuê tài chính được đăng ký trên cơ sở nội dung kê khai trong đơn của người yêu cầu đăng ký.
- 3.2. Cơ quan đăng ký phải đăng ký kịp thời, chính xác theo nội dung đã kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký và tìm hiểu thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính.
- 3.3. Các thông tin được lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu về hợp đồng cho thuê tài chính được cung cấp cho mọi cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu.

4. Cơ quan đăng ký và cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính

- 4.1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký và cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính theo quy định tại thông tư này là các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi chung là Trung tâm Đăng ký).
- 4.2. Các Trung tâm Đăng ký có thẩm quyền đăng ký và cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính trong phạm vi cả nước, không phân biệt thẩm quyền theo địa giới hành chính. Cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn, yêu cầu một trong các Trung tâm Đăng ký thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính.

4.3. Việc đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính tại các Trung tâm Đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Đăng ký

5.1. Trung tâm Đăng ký có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây trong việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính:

- a) Đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính;
- b) Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký;
- c) Xóa đăng ký;
- d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký, Giấy chứng nhận sửa chữa sai sót, Giấy chứng nhận xóa đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính; cấp bản sao các loại giấy Chứng nhận này;
- đ) Sửa chữa sai sót trong đơn yêu cầu, trong Giấy chứng nhận nêu tại điểm 5.1.d khoản 5 Mục này;
- e) Thu lệ phí đăng ký;
- g) Từ chối đăng ký khi có một trong các căn cứ quy định tại điểm 13.1 khoản 13 Mục này;
- h) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bảo quản các thông tin đã được đăng ký.

5.2. Trung tâm Đăng ký có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây trong việc cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính:

- a) Cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính được lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu về hợp đồng cho thuê tài chính;
- b) Thu phí cung cấp thông tin;
- c) Từ chối cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính khi có một trong các căn cứ quy định tại điểm 13.2. khoản 13 Mục này.

6. Trách nhiệm của Đăng ký viên trong việc đăng ký và cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính

6.1. Thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

6.2. Không được yêu cầu người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin nộp thêm giấy tờ khác ngoài các giấy tờ mà Thông tư này đã quy định.

6.3. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong trường hợp vi phạm quy định về trình tự, thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính mà gây ra thiệt hại.

7. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin

7.1. Người yêu cầu đăng ký là bên cho thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính bao gồm:

- a) Công ty cho thuê tài chính nhà nước;
- b) Công ty cho thuê tài chính cổ phần;
- c) Công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng;
- d) Công ty cho thuê tài chính liên doanh;
- đ) Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

7.2. Người yêu cầu đăng ký có thể ủy quyền cho người khác theo quy định của pháp luật dân sự để yêu cầu đăng ký.

7.3. Mọi cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính đều có quyền yêu cầu Trung tâm Đăng ký cung cấp thông tin.

8. Trách nhiệm của người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin

8.1. Người yêu cầu đăng ký có trách nhiệm sau đây:

- a) Kê khai đầy đủ các mục thuộc diện phải kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này. Nội dung kê khai trong đơn phải chính xác, đúng với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính;
- b) Nộp lệ phí đăng ký theo quy định của pháp luật;
- c) Chịu trách nhiệm về các nội dung đã kê khai trong đơn.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký ghi vào đơn những nội dung không chính xác, không đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cho thuê tài chính mà gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

8.2. Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm sau đây:

- a) Kê khai đầy đủ các mục thuộc diện phải kê khai trong đơn yêu cầu cung cấp thông tin theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Nộp phí cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

9. Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính

9.1. Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính được tính từ thời điểm đăng ký đến thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính.

9.2. Trường hợp có đơn yêu cầu xóa đăng ký trước thời hạn nêu tại điểm 9.1. của khoản này thì thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính được tính từ thời điểm đăng ký đến thời điểm cơ quan đăng ký nhận được đơn yêu cầu xóa đăng ký hợp lệ.

10. Giá trị pháp lý của việc đăng ký hợp đồng cho thuê tài chính

10.1. Hợp đồng cho thuê tài chính đã đăng ký có giá trị pháp lý đối với người thứ ba trong thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký theo quy định tại khoản 9 Mục này.

10.2. Trong trường hợp tài sản cho thuê theo hợp đồng cho thuê tài chính đã đăng ký bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu giữ do bên thuê vi phạm pháp luật hoặc bên thuê chuyển giao tài sản cho thuê tài chính cho người thứ ba mà không có sự đồng ý của bên cho thuê thì Giấy chứng nhận hoặc văn bản cung cấp thông tin về hợp đồng cho thuê tài chính do các Trung tâm Đăng ký cấp là căn cứ pháp lý để bên cho thuê tài chính được nhận lại tài sản cho thuê, trừ trường hợp tài sản đó bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

11. Phương thức nộp đơn yêu cầu đăng ký, đơn yêu cầu cung cấp thông tin, lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin

11.1. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin nộp đơn theo một trong các phương thức sau đây:

- a) Nộp đơn trực tiếp tại Trung tâm Đăng ký;
- b) Gửi đơn qua đường bưu điện; có thể bằng hình thức gửi bảo đảm hoặc chuyển phát nhanh;
- c) Gửi đơn qua fax trong trường hợp người yêu cầu đăng ký đã đăng ký vào Danh sách khách hàng thường xuyên của các Trung tâm Đăng ký.